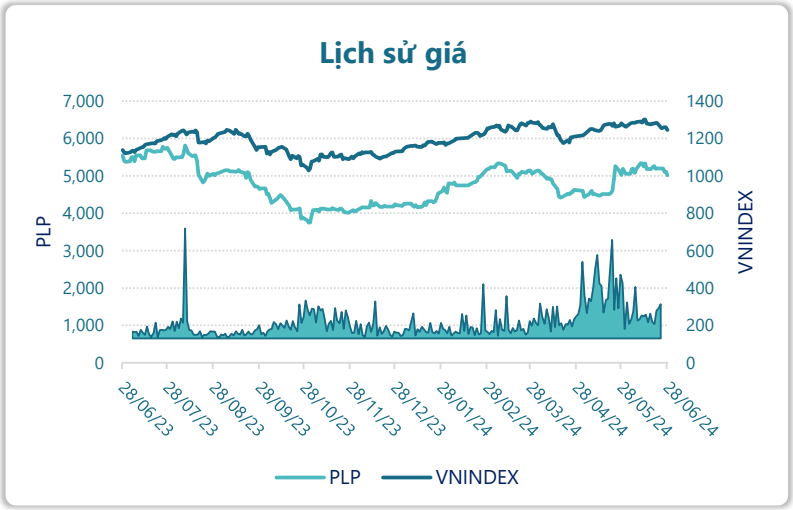
FireAnt

CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (HSX: PLP)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,010**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,810
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,750
SL cổ phiếu LH	69,999,847
KLGD BQ 20 phiên (CP)	63,540
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	351
P/E	39.1
EPS	128

DT thuần

Q2/24

500

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 115| 29.8%

YoY: ▼35.0| -6.6%

LN sau thuế

Q2/24

15.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.7| 247%

YoY: ▲ 119| 115%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

6.0%

+/- YoY: ▲ 21.0%

DT thuần

6T 2024

884

tỷ VNĐ

YoY: ▼290| -24.7%

LN sau thuế

6T 2024

5.16

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 99.1| 105%

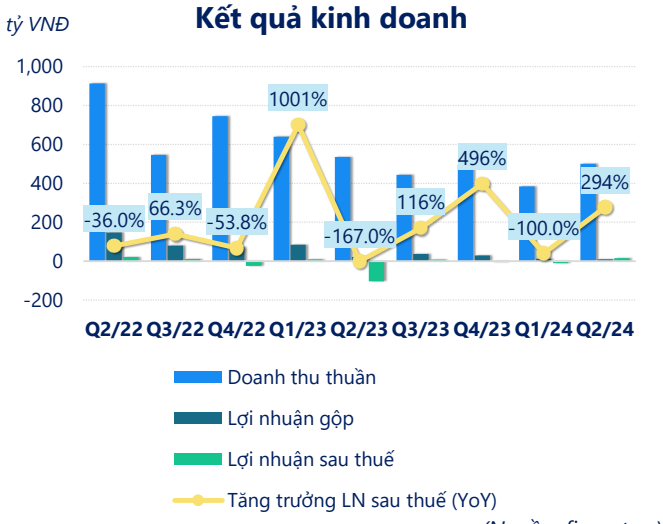
ROE

Q2/24

1.1%

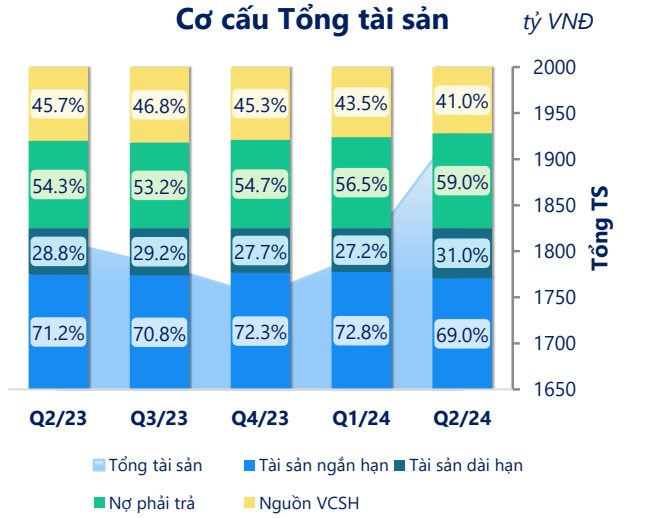
+/- YoY: ▲ 10.8%

Kết quả kinh doanh



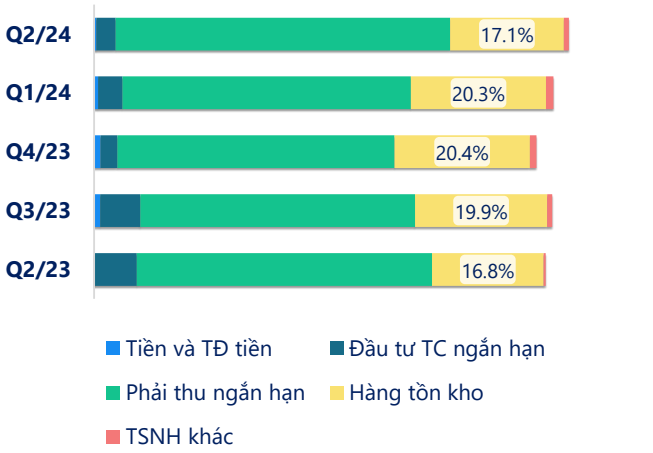
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



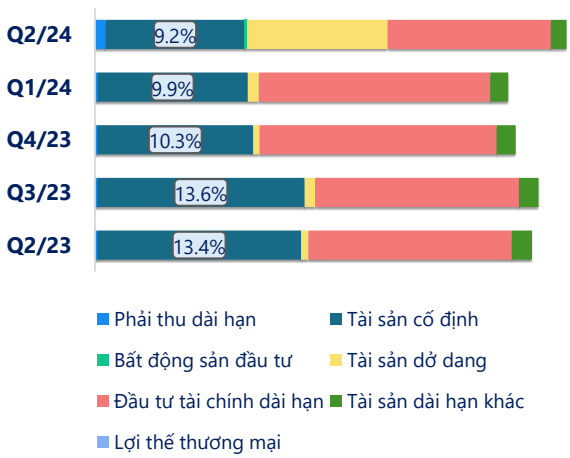
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



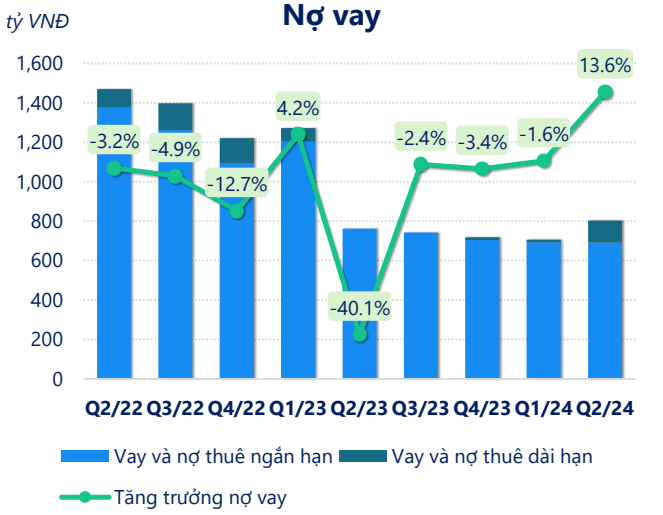
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



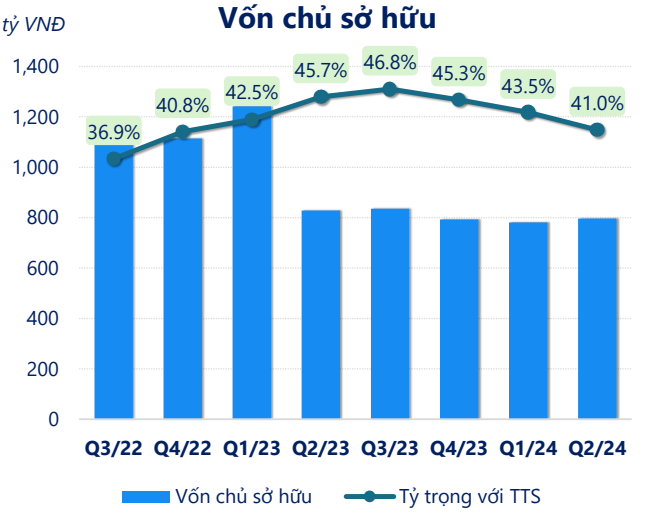
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



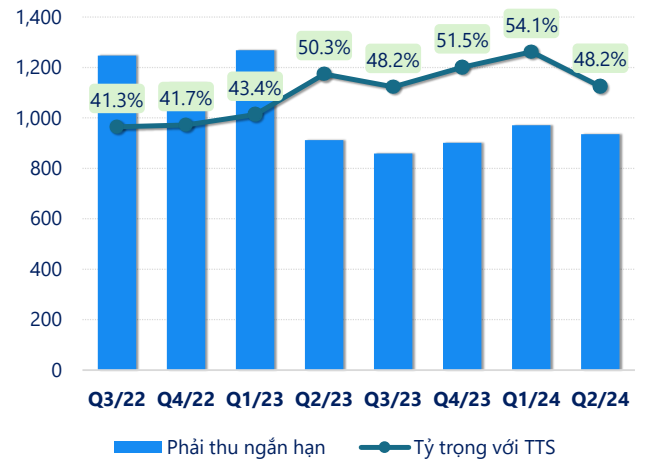
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



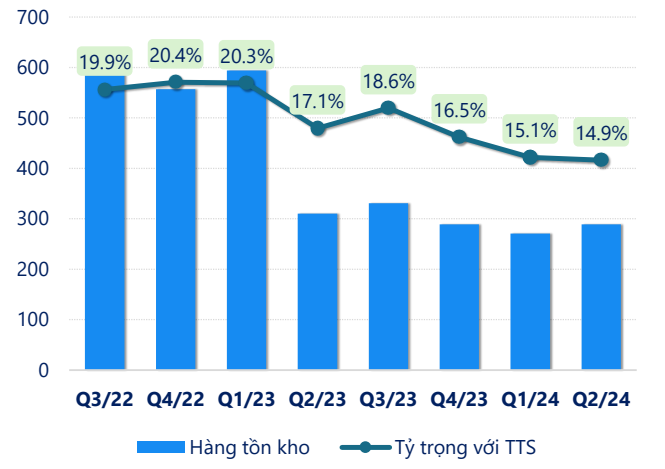
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



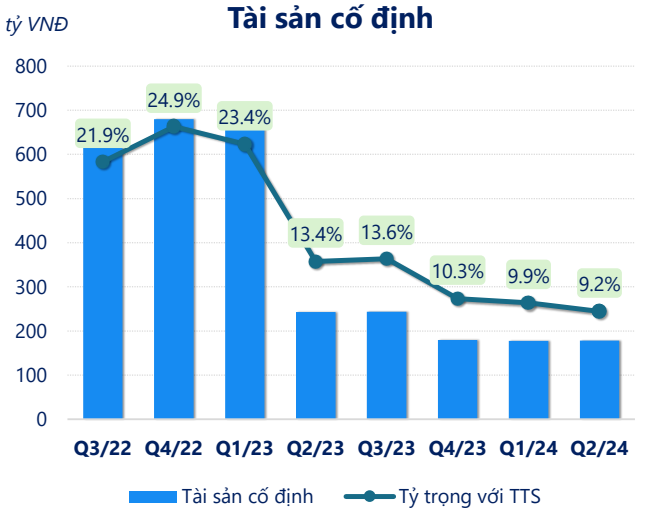
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



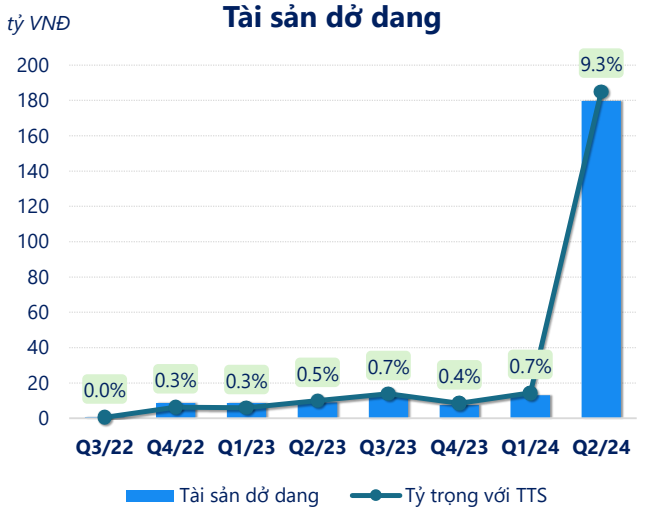
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



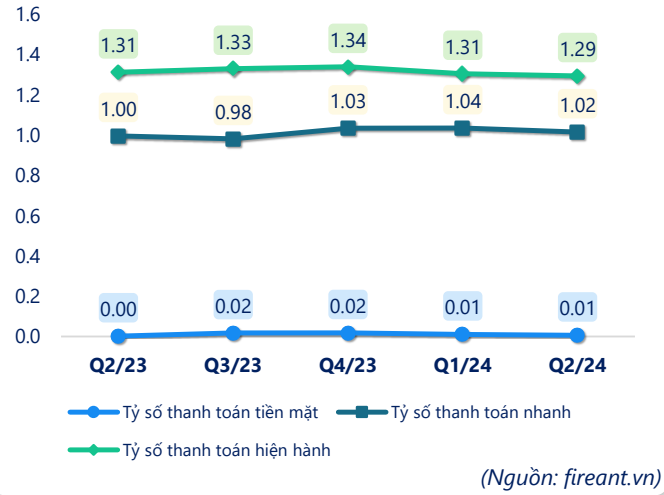
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



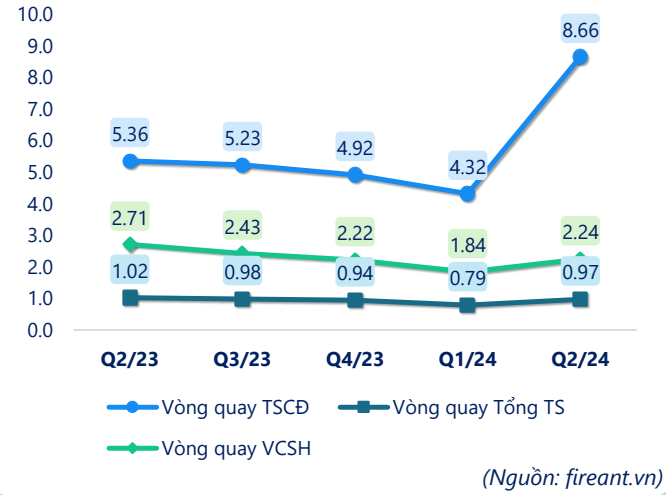
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,811**	**1,785**	**1,752**	**1,795**	**1,942**
Tài sản ngắn hạn	**1,290**	**1,264**	**1,267**	**1,307**	**1,339**
Tiền và tương đương tiền	1.81	16.5	17.1	11.0	6.11
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.7	40.7	47.2	38.5	69.5
Phải thu ngắn hạn	912	859	902	971	936
Hàng tồn kho	310	331	289	271	289
Tài sản ngắn hạn khác	13.8	16.0	11.9	16.0	39.2
Tài sản dài hạn	**521**	**521**	**485**	**488**	**603**
Phải thu dài hạn	2.75	2.75	2.75	2.87	13.4
Tài sản cố định	243	243	180	178	178
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	2.97
Tài sản dở dang	8.98	12.3	7.46	12.9	180
Đầu tư tài chính dài hạn	242	239	273	274	208
Tài sản dài hạn khác	24.4	23.1	22.0	21.2	20.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**984**	**950**	**959**	**1,015**	**1,146**
Nợ ngắn hạn	**983**	**950**	**945**	**1,001**	**1,034**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	761	743	704	693	692
Phải trả người bán ngắn hạn	143	109	103	102	134
Nợ dài hạn	0.66	0	13.9	13.9	111
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	13.9	13.9	111
Nguồn vốn chủ sở hữu	**828**	**835**	**793**	**781**	**797**
Vốn chủ sở hữu	**828**	**835**	**793**	**781**	**797**
Vốn điều lệ	700	700	700	700	700
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)